TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 05 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Tuấn
2. Ông Lê Văn Hoàn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2026 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1006/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Đ; sinh năm: 1994
Số căn cước công dân: 038194034120
Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hóa
- *Bị đơn:* Anh Trương Thanh T; sinh năm: 1988
Số căn cước công dân: 038088043980
Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị Đ, có mặt anh T (Chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trương Thanh T tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/12/2012tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa – Nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh T đã ly thân từ năm 2024 đến nay không ai quan tâm ai nữa. Đến nay, chị xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, hạnh phúc đã thật sự tan vỡ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Thanh T

- Về con chung:Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Thanh V, sinh ngày 29/10/2012, cháu Trương Thị Ngọc Á, sinh ngày 12/10/2020. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Á, giao cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hiện nay chị đang làm công việc tự do với mức thu nhập trung bình khoảng 15.000.000 đồng/tháng nên chị nhận thấy có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Á.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Trương Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Đ tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/12/2012tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa – Nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh và chị Đ đã ly thân từ năm 2024 đến nay không ai quan tâm ai nữa. Đến nay, anh xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, hạnh phúc đã thật sự tan vỡ nên anh đồng ý ly hôn với chị Đ.

- Về con chung:Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Thanh V, sinh ngày 29/10/2012, cháu Trương Thị Ngọc Á, sinh ngày 12/10/2020. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 cháu, yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng (hai cháu là 2.000.000 đồng mỗi tháng). Hiện nay, anh đang lao động tự do, cụ thể là thợ xây tại địa phương. Với mức thu nhập trung bình là khoảng 12.000.000 đồng/tháng nên anh nhận thấy có đủ điều kiện để nuôi các cháu.

- Về tài sản và công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Đ được ly hôn với anh Trương Thanh T. Về con chung: Giao cháu Trương Thanh V, sinh ngày 29/10/2012 cho anh Trương Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trương Thị

Ngọc Á, sinh ngày 12/10/2020 cho chị Bùi Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hônđối với anh Trương Thanh T. Anh Thiên cư T1 tại Thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểmĐiều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh T và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Chị Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị Đ.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Đ và anh Trương Thanh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/12/2012tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Cả chị Đ và anh T đều xác định tình cảm vợ, chồng không còn đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ, chồng đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó nên căn cứ điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đ được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Thanh V, sinh ngày 29/10/2012, cháu Trương Thị Ngọc Á, sinh ngày 12/10/2020. Ly hôn chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Á, giao cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi cháu. Nguyện vọng của cháu V được ở với bố. Xét yêu cầu của chị Đ và anh T là chính đáng và hợp pháp. Tuy nhiên cháu Á là con gái, đang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ, cháu V là con trai và cũng có nguyện vọng được ở với bố. Chị Đ và anh T đều có công việc, thu nhập ổn định. Vì vậy, HĐXX xét thấy nên giao cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Á cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung

cùng nhau là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản và công nợ chung: Chị Đ và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Số tiền chị Đ đã nộp tạm ứng án phí được trừ vào số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Đ được ly hôn anh Trương Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thanh V, sinh ngày 29/10/2012 cho anh Trương Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trương Thị Ngọc Á, sinh ngày 12/10/2020 cho chị Bùi Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Bùi Thị Đ và anh Trương Thanh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Đ đã nộp tạm ứng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Thanh Hóa, theo biên lai số 0002683 ngày 08/04/2026. Chị Bùi Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Trương Thanh T, vắng mặt Bùi Thị Đ. Anh Trương Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Thanh Hóa;
- UBND xã Thành Vinh;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Tường Vân **Lê Văn Hoàn** **Bùi Văn Hải**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Mạnh Thìn **Trần Thị Dần** **Bùi Văn Hải**